



DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS

(Kèm theo quyết định số/ Attachment with decision: **1647/QĐ – VPCNCLQG**
ngày **17** tháng 06 năm 2025 của giám đốc Văn phòng Công nhận Chất lượng quốc gia/
of BoA Director)

Tên phòng xét nghiệm: **Phòng xét nghiệm Sinh hóa, huyết học, Miễn dịch**
Trung tâm xét nghiệm Y sinh học lâm sàng và dịch vụ khoa học kỹ thuật
Biochemi, Hema, Immuno Laboratory

Medical Laboratory: *Center of Clinical Biomedical testing and scientific and technical services*

Cơ quan chủ quản: **Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh**
Pasteur Institute in Ho Chi Minh

Organization: *Pasteur Institute in Ho Chi Minh*

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh, Huyết học, Vi sinh**
Biochemistry, Hematology, Microbiology

Field of medical testing: *Biochemistry, Hematology, Microbiology*

Người phụ trách/ *Representative:* **Nguyễn Đức Trúc**

Số hiệu/ Code: **VILAS Med 009**

Hiệu lực/ Validation: từ ngày **17** /6/2025 đến ngày **16** /6/2030

Địa chỉ/ Address: **167 Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**
167 Pasteur Street, Vo Thi Sau Ward, 3 District, Ho Chi Minh City

Địa điểm/ Location: **167 Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh**
167 Pasteur Street, Vo Thi Sau Ward, 3 District, Ho Chi Minh City

Điện thoại/ Tel: **08. 38 222 883**

Email: **trucnguyen10@yahoo.com**

Website: **www.pasteurhcm.gov.vn**

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 009

Lĩnh vực xét nghiệm: **Hóa sinh**
 Discipline of medical testing: **Biochemistry**

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông) Type of sample anticoagulant (if any)	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm The name of medical tests	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm Principle/ Technical test	Phương pháp xét nghiệm Test method
1.	Huyết thanh/ Huyết tương Serum/ Plasma (K2-EDTA)	Định lượng ALT (GPT) <i>Determination of Alanine Aminotransferase</i>	Động học enzyme <i>Enzymatic kinetic</i>	SHLS/QTXXN/03(SH) (2024) (Cobas c502)
2.		Định lượng AST (GOT) <i>Determination of Aspartate Aminotransferase</i>	Động học enzyme <i>Enzymatic kinetic</i>	SHLS/QTXXN/02(SH) (2024) (Cobas c502)
3.		Định lượng Bilirubin toàn phần <i>Determination of Total Bilirubin</i>	Phương pháp Diazo <i>Diazo method</i>	SHLS/QTXXN/04(SH) (2024) (Cobas c502)
4.		Định lượng Bilirubin liên hợp <i>Determination of Direct Bilirubin</i>	Phương pháp Diazo <i>Diazo method</i>	SHLS/QTXXN/05(SH) (2024) (Cobas c502)
5.	Huyết thanh Serum	Định lượng Chloride <i>Determination of Chloride</i>	Điện cực chọn lọc ion <i>Ion selective electrode</i>	SHLS/QTXXN/11(SH) (2024) (Cobas ISE 900)
6.	Huyết thanh/ Huyết tương Serum/ Plasma (K2-EDTA)	Định lượng Cholesterol toàn phần <i>Determination of Total Cholesterol</i>	So màu enzym <i>Enzymatic colorimetric</i>	SHLS/QTXXN/12(SH) (2024) (Cobas c502)
7.		Định lượng Creatinin <i>Determination of Creatinine</i>	Động học enzym <i>Enzymatic kinetic</i>	SHLS/QTXXN/08(SH) (2024) (Cobas c502)
8.		Định lượng GGT <i>Determination of Gamma Glutamyl Transferase</i>	So màu enzym <i>Enzymatic colorimetric</i>	SHLS/QTXXN/06(SH) (2024) (Cobas c502)
9.		Định lượng Glucose <i>Determination of Glucose</i>	UV - Hexokinase	SHLS/QTXXN/01(SH) (2024) (Cobas c502)
10.	Huyết thanh Serum	Định lượng Kali <i>Determination of Potassium</i>	Điện cực chọn lọc ion <i>Ion selective electrode</i>	SHLS/QTXXN/10(SH) (2024) (Cobas ISE 900)
11.		Định lượng Natri <i>Determination of Sodium</i>	Điện cực chọn lọc ion <i>Ion selective electrode</i>	SHLS/QTXXN/09(SH) (2024) (Cobas ISE 900)
12.	Huyết thanh/ Huyết tương Serum/ Plasma (K2-EDTA)	Định lượng Ure <i>Determination of Urea</i>	Động học enzym <i>Enzymatic kinetic</i>	SHLS/QTXXN/07(SH) (2024) (Cobas c502)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 009

Lĩnh vực xét nghiệm: **Huyết học**
Discipline of medical testing: Hematology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông) <i>Type of sample anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
1.	Máu toàn phần (EDTA) Whole blood (EDTA)	Đếm số lượng Bạch cầu (WBC) <i>White Blood cell count (WBC)</i>	Phương pháp dòng chảy tế bào sử dụng laser bán dẫn <i>(Flow Cytometry Method by using semiconductor laser)</i>	SHLS/QTXXN/15(HH) (2024) (XN1000)
2.		Đếm số lượng Hồng cầu (RBC) <i>Red Blood cell count (RBC)</i>	Tập trung dòng chảy động học + điện trở kháng 01 chiều <i>Hydro Dynamic Focusing and one-way impedance principle</i>	SHLS/QTXXN/22(HH) (2024) (XN1000)
3.		Đếm số lượng tiểu cầu (PLT) <i>Platelet count (PLT)</i>	Tập trung dòng chảy động học + điện trở kháng 01 chiều <i>Hydro Dynamic Focusing and one-way impedance principle</i>	SHLS/QTXXN/29(HH) (2024) (XN1000)
4.		Xác định lượng huyết sắc tố (HGB) <i>Determination of Hemoglobin (HGB)</i>	Đo quang <i>Optical measurement</i>	SHLS/QTXXN/23(HH) (2024) (XN1000)
5.		Xác định thể tích khối hồng cầu HCT <i>Determination of Heamatocrit (HCT)</i>	Tính toán <i>Calculation</i>	SHLS/QTXXN/24(HH) (2024) (XN1000)

DANH MỤC CHỈ TIÊU XÉT NGHIỆM ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED MEDICAL TESTS
VILAS Med 009

Lĩnh vực xét nghiệm: **Vi sinh**

Discipline of medical testing: Microbiology

STT No.	Loại mẫu (chất chống đông) <i>Type of sample anticoagulant (if any)</i>	Tên các chỉ tiêu xét nghiệm <i>The name of medical tests</i>	Nguyên lý/ Kỹ thuật xét nghiệm <i>Principle/ Technical test</i>	Phương pháp xét nghiệm <i>Test method</i>
	Huyết thanh/ Huyết tương <i>Serum/ Plasma (K2-EDTA)</i>	Phát hiện kháng nguyên HBsAg <i>Detected of HbsAg</i>	Điện hóa phát quang ECLIA, <i>ElectroChemiluminescenceImmunoAssay</i>	SHLS/QTXXN/01(MD) (2024) (Cobas e602, e801)
			Miễn dịch enzyme hóa phát quang <i>Chemiluminescence enzyme Immunoassay</i>	SHLS/QTXXN/44(MD) (2024) (HISCL5000)
2.		Định lượng α 1 fetoprotein (AFP) <i>Determination of AFP</i>	Điện hóa phát quang ECLIA, <i>ElectroChemiluminescenceImmunoAssay</i>	SHLS/QTXXN/10(MD) (2024) (Cobas e801)

Ghi chú/ Note:

- SHLS/QTXXN...: Phương pháp nội bộ của PXN/ *Laboratory developed method*

Trường hợp Phòng xét nghiệm Sinh hóa, huyết học, Miễn dịch – Trung tâm xét nghiệm Y sinh học lâm sàng và dịch vụ khoa học kỹ thuật cung cấp dịch vụ xét nghiệm phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Biochemi, Hema, Immuno Laboratory – Center of Clinical Biomedical testing and scientific and technical services that provides the medical testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

OK